

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 - HÀ TĨNH**

Bản án số: 01/2026/KDTM-ST

Ngày: 09-02-2026

V/v: *Tranh chấp hợp đồng cầm cố, hợp
đồng mượn xe*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thanh Huyền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Sỹ Hùng

Ông Dương Cao Sơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Huyền Trang - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Hà Tĩnh tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 02 năm 2026, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân khu vực 1 - Hà Tĩnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 09/2025/TLST-KDTM ngày 15/10/2025 về “*Tranh chấp hợp đồng cầm cố, hợp đồng mượn xe*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2026/QĐXXST-KDTM ngày 09/01/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2026/QĐST-KDTM ngày 28/01/2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty cổ phần S (tên cũ là Công ty TNHH S Việt Nam); Địa chỉ trụ sở chính: Số 128 đường N, phường T, tỉnh Nghệ An ; Người đại diện hợp pháp: Bà Nguyễn Thị Thương N là người đại diện ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 06/02/2026) – *Có mặt*

Bị đơn: Công ty TNHH xây dựng thương mại T; Địa chỉ trụ sở: Số 14, ngách 02, ngõ 127, đường A, phường T, tỉnh Hà Tĩnh; Người đại diện theo pháp luật : Bà Ngô Thị B – Chức vụ : Giám đốc – *Vắng mặt*

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Ngô Thị B; Sinh năm 1986; Địa chỉ cư trú: Thôn A, xã C, tỉnh Hà Tĩnh – *Vắng mặt*

- Ông Ngô Văn K; Sinh năm 1988; Địa chỉ cư trú: Thôn A, xã C, tỉnh Hà Tĩnh – *Vắng mặt*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện của nguyên đơn Công ty cổ phần S (sau đây viết tắt là Công ty S) và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Bên nhận cầm cố chi nhánh Lộc Hà – Công ty S, bên cầm cố Công ty TNHH Xây dựng Thương mại T (sau đây viết tắt là Công ty T) và bên bảo lãnh bà Ngô Thị B và ông Ngô Văn K có ký kết Hợp đồng cầm cố số HTC231001002NA20X, Phụ lục hợp đồng và Giấy mượn xe ngày 18/10/2023 với nội dung như sau:

- Công ty S nhận cầm cố của Công ty T 01 chiếc xe ô tô MAZDA CX 5 màu trắng BKS 38A - 332.54, số khung RN2KW5726LM050259, số máy PE50265342; Giấy chứng nhận đăng ký xe số 000131 mang tên Công ty TNHH Xây Dựng Thương Mại T, do Công an tỉnh Hà Tĩnh cấp ngày 05/01/2021; Số tiền cầm cố là 426.450.000 đồng; mục đích cầm cố để lấy tiền phục vụ kinh doanh; thời hạn cầm cố 36 tháng kể từ ngày 18/10/2023 đến ngày 18/10/2026; lãi suất cầm cố trong hạn là 1,1%/tháng trên dư nợ thực tế; thanh toán tiền gốc và lãi trong hạn định kỳ hàng tháng là 15.675.115,68 đồng vào ngày 18 hàng tháng; lãi quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; phí quản lý hồ sơ cố định 0,5%/tháng trên dư nợ thực tế.

- Công ty S cho Công Ty T mượn lại tài sản cầm cố nói trên để đi lại phục vụ công việc, thời gian mượn tài sản là 30 ngày từ ngày 18/10/2023 đến 18/11/2023; phí bảo dưỡng và hao mòn xe khi mượn tài sản là 16.631.550 đồng/tháng; thanh toán đúng hạn thì phí bảo dưỡng và hao mòn xe khi mượn là 12.367.050 đồng/tháng; phí xử lý tài sản cầm cố, thu hồi xe: 3.000.000 đồng.

- Bà Ngô Thị B và ông Ngô Văn K là bên bảo lãnh để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ của Công Ty T theo Hợp đồng cầm cố, Phụ lục hợp đồng và Giấy mượn xe đã ký kết, cam kết sẽ thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho Công ty T trong trường hợp Công ty T không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng và trả lại xe sau khi hết thời hạn mượn xe.

Quá trình thực hiện hợp đồng, các bên đã tiến hành đăng ký biện pháp giao dịch đảm bảo trên Hệ thống Đăng ký Trực tuyến của Cục đăng ký Quốc Gia. Công ty S đã giải ngân cho Công ty T đầy đủ số tiền 426.450.000 đồng vào ngày 18/10/2023. Công ty T đã thanh toán cho Công ty S số tiền: 28.043.000 đồng, trong đó: tiền gốc là 8.851.915 đồng, tiền lãi 4.690.950 đồng, tiền phí bảo dưỡng và hao mòn 12.367.050 đồng, các khoản phí khác 2.133.085 đồng. Công ty T đã vi phạm cam kết, khoản vay đã quá hạn thanh toán từ ngày 18/12/2023. Tính đến ngày 09/02/2026, Công ty T còn nợ Công ty S số tiền gốc 417.598.084,32 đồng, tiền lãi trong hạn 83.763.087,063 đồng, tiền lãi quá hạn 63.389.015,51 đồng, tiền phí quản lý hồ sơ cố định 38.269.761,26 đồng, tiền phí bảo dưỡng và hao mòn xe 449.051.850 đồng, phí thanh lý trước hạn 8.1780.323,79 đồng, tổng cộng là 1.162.471.435,03 đồng.

Tại đơn khởi kiện, Công ty S yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc Công ty T phải thanh toán cho Công ty S toàn bộ số tiền gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn, tiền phí quản lý hồ sơ, tiền phí bảo dưỡng và hao mòn xe và phí thanh lý trước hạn cho đến khi thanh toán xong nợ. Tuy nhiên, tại phiên tòa nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện đối

với tiền phí quản lý hồ sơ cố định 38.269.761,26 đồng, tiền phí bảo dưỡng và hao mòn xe 449.051.850 đồng, phí thanh lý trước hạn 8.178.323,79 đồng. Công ty S yêu cầu Công ty T phải thanh toán cho Công ty S số tiền còn nợ tính đến ngày 09/02/2026 là 564.750.191,46 đồng (bao gồm tiền gốc 417.598.084,32 đồng, tiền lãi trong hạn 83.763.087,063 đồng, tiền lãi quá hạn 63.389.015,51 đồng). Kể từ ngày 10/02/2026 Công ty T còn tiếp tục phải chịu các khoản lãi phát sinh cho đến khi thanh toán xong nợ. Trường hợp Công ty T không trả được nợ thì bà Ngô Thị B, ông Ngô Văn K có trách nhiệm trả nợ thay cho Công ty T.

Tại bản tự khai ngày 10/12/2025, bà Ngô Thị B là người đại diện theo pháp luật của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Công ty T có ký kết với Công ty S hợp đồng cầm cố, giấy mượn xe, phụ lục hợp đồng với nội dung có vay số tiền 426.450.000 đồng. Công ty T chấp nhận trả cho Công ty S số tiền gốc 426.450.000 đồng, còn tiền lãi và các khoản phí khác không chấp nhận thanh toán do công ty làm ăn khó khăn, không có nguồn tài chính.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Ngô Văn K nhưng ông K không có mặt, Tòa án đã trực tiếp đến nhà để lấy lời khai ông K nhưng ông K không có mặt ở nhà nên không thu thập được lời khai.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Hà Tĩnh phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, những người tham gia tố tụng và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 116, Điều 117, khoản 1 Điều 275, Điều 280, Điều 309, khoản 3 Điều 314, các Điều 466, 468 Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 30, Điều 35, Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn thanh toán các khoản phí bao gồm phí bảo dưỡng và hao mòn xe, phí quản lý hồ sơ và phí thanh lý trước hạn.

2. Buộc Công ty T phải thanh toán cho Công ty S số tiền nợ gốc 417.598.084,32 đồng, tiền lãi trong hạn 83.763.087,063 đồng, tiền lãi quá hạn 63.389.015,51 đồng, tổng cộng là 564.750.191,46 đồng. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, Công ty T còn phải chịu tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn theo thỏa thuận của các bên trong hợp đồng cầm cố đã ký kết. Trường hợp Công ty T không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ khoản nợ thì bà Ngô Thị B và ông Ngô Văn K có nghĩa vụ trả nợ thay cho Công ty T theo cam kết bảo lãnh cho đến khi thanh toán hết nợ.

3. Về án phí sơ thẩm: Buộc bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Công ty S khởi kiện yêu cầu Công ty T thanh toán số tiền gốc, lãi và các khoản phí theo Hợp đồng cầm cố, Giấy mượn xe đã ký kết. Do đây là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh giữa các tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận. Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, quan hệ pháp luật là “tranh chấp hợp đồng cầm cố, hợp đồng mượn tài sản”, thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Hà Tĩnh. Người đại diện theo pháp luật của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Ngô Thị B đề nghị xét xử vắng mặt, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Ngô Văn K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về các khoản phí bao gồm phí bảo dưỡng xe và hao mòn xe khi mượn, phí quản lý hồ sơ và phí thanh lý trước hạn, mặc dù tại đơn khởi kiện nguyên đơn đã yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn thanh toán cho nguyên đơn các khoản phí trên nhưng tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn xin rút yêu cầu khởi kiện về các khoản phí. Xét thấy, việc rút yêu cầu nói trên là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn thanh toán phí bảo dưỡng xe và hao mòn xe khi mượn, phí quản lý hồ sơ và phí thanh lý trước hạn theo các hợp đồng đã ký kết. Nguyên đơn không phải chịu án phí đối với yêu cầu đã đình chỉ xét xử.

[3] Về nội dung tranh chấp: Xét Hợp đồng cầm cố số HTC231001002NA20X, Phụ lục hợp đồng và Giấy mượn xe ngày 18/10/2023 được các bên xác lập trên cơ sở tự nguyện, có nội dung phù hợp quy định tại các Điều 116, 117, Điều 309, Điều 494 Bộ luật Dân sự nên Hội đồng xét xử nhận định đây là hợp đồng hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện cấp, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Ngô Văn K để thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình cũng như trình bày ý kiến đối với yêu cầu và tài liệu, chứng cứ của nguyên đơn. Tuy nhiên, ông K vắng mặt không tham gia phiên họp, hòa giải, xét xử và không gửi văn bản trình bày ý kiến, xem như ông K tự từ bỏ quyền lợi của bản thân cũng như không bác bỏ yêu cầu khởi kiện và chứng cứ do nguyên đơn cung cấp. Người đại diện hợp pháp của bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Ngô Thị B tại Bản tự khai đã thừa nhận việc cầm cố, số tiền vay và chấp nhận thanh toán số tiền gốc theo yêu cầu của nguyên đơn; Đối với số tiền lãi không chấp nhận thanh toán do kinh doanh khó khăn, không có nguồn tài chính. Tuy nhiên, theo quy định tại Điều 4 Hợp đồng cầm cố, các bên đã thỏa thuận: lãi suất cầm cố trong hạn là 1,1%/tháng trên dư nợ thực tế, lãi quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, thời hạn thanh toán định kỳ hàng tháng bao gồm gốc và lãi trong hạn. Việc thỏa thuận lãi suất nêu trên phù hợp với quy định

tại Điều 468 Bộ luật Dân sự nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán các khoản lãi trong hạn và quá hạn theo hợp đồng cầm cố tài sản là có căn cứ. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm 09/02/2026, Công ty T còn nợ Công ty S 564.750.191,46 đồng bao gồm tiền gốc 417.598.084,32 đồng, tiền lãi trong hạn 83.763.087,063 đồng, tiền lãi quá hạn 63.389.015,51 đồng. Căn cứ khoản 1 Điều 275, các Điều 280, 466, 468 Bộ luật Dân sự, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn Công ty T phải thanh toán cho nguyên đơn Công ty S số tiền 564.750.191,46 đồng (bao gồm tiền gốc 417.598.084,32 đồng, tiền lãi trong hạn 83.763.087,063 đồng, tiền lãi quá hạn 63.389.015,51 đồng). Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, Công ty T còn phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh cho đến khi thanh toán xong nợ theo lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng cầm cố đã ký kết giữa 02 bên.

[4] Tại hợp đồng cầm cố và phụ lục hợp đồng, bà Ngô Thị B và ông Ngô Văn K đã tham gia ký kết với tư cách là bên bảo lãnh. Tại Điều 7 Hợp đồng cầm cố và Mục 2 Phụ lục hợp đồng, các bên đã thỏa thuận: Bà Ngô Thị B và ông Ngô Văn K cam kết cùng với Công ty T chịu trách nhiệm thanh toán các khoản nợ đến hạn theo hợp đồng và cam kết thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Công ty T các khoản nợ đến hạn nếu Công ty T không còn khả năng thanh toán hoặc không thực hiện nghĩa vụ thanh toán quá 30 ngày đến hạn theo hợp đồng. Do vậy, trường hợp Công ty T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì bà Ngô Thị B và ông Ngô Văn K có nghĩa vụ trả nợ thay cho Công ty T theo cam kết bảo lãnh cho đến khi thanh toán hết nợ.

[5] Đối với 01 chiếc xe ô tô MAZDA CX 5 màu trắng BKS 38A - 332.54, Giấy chứng nhận đăng ký xe số 000131 ngày 05/01/2021 mang tên Công ty TNHH Xây dựng Thương mại T là tài sản cầm cố, Công ty S đã cho Công ty T mượn xe chưa trả lại cho Công ty S, Công ty S không yêu cầu giải quyết về xử lý tài sản cầm cố nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Hà Tĩnh tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp các quy định pháp luật.

[7] **Về án phí sơ thẩm:** Theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 116, Điều 117, khoản 1 Điều 275, Điều 280, Điều 309, khoản 3 Điều 314, các Điều 466, 468 Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 30, Điều 35, Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử:

1. Xét xử vắng mặt bị đơn Công ty TNHH Xây dựng Thương mại T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Ngô Thị B, ông Ngô Văn K.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty cổ phần Sbuộc bị đơn Công ty TNHH Xây dựng Thương mại T phải thanh toán các khoản phí bao gồm phí bảo dưỡng và hao mòn xe, phí quản lý hồ sơ và phí thanh lý trước hạn.

3. Buộc Công ty TNHH Xây dựng Thương mại T phải thanh toán cho Công ty cổ phần S số tiền nợ gốc 417.598.084,32 đồng, tiền lãi trong hạn 83.763.087,063 đồng, tiền lãi quá hạn 63.389.015,51 đồng, tổng cộng là 564.750.191,46 đồng. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm 10/02/2026 cho đến khi thi hành án xong, Công ty TNHH Xây dựng Thương mại T còn phải chịu tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn theo thỏa thuận của các bên trong hợp đồng cầm cố đã ký kết. Trường hợp Công ty TNHH Xây dựng Thương mại T không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ khoản nợ thì bà Ngô Thị B và ông Ngô Văn K có nghĩa vụ trả nợ thay cho Công ty TNHH Xây dựng Thương mại T theo cam kết bảo lãnh cho đến khi thanh toán hết nợ.

4. **Về án phí sơ thẩm:** Buộc bị đơn Công ty TNHH Xây dựng Thương mại T phải chịu 26.590.000 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Trả lại cho nguyên đơn Công ty cổ phần S số tiền tạm ứng án phí 21.223.000 đồng đã nộp tại biên lai thu tiền số 0000204 ngày 10 tháng 10 năm 2025 của Cơ quan thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh.

5. **Về quyền kháng cáo:** Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì bên được thi hành án dân sự, bên phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- THADS tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND khu vực 1 - Hà Tĩnh;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thanh Huyền

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Sỹ Hùng

Dương Cao Sơn

Lê Thanh Huyền